

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-PT

Ngày 18-3-2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất, di dời tài
sản trên đất và yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính;

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Cao Đức Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, di dời tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2025/QĐ-PT ngày 21-01-2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 29/2025/QĐ-PT ngày 21-2-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mạc Văn H; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mạc Văn H: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lương Quang P (Lương Văn P); có mặt.

2. Bà Lăng Thị S; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lương Quang P: Bà Nông Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Chu Thị Kim L; vắng mặt.
2. Ông Mạc Văn G; vắng mặt.
3. Bà Lý Thị K; vắng mặt.
4. Anh Mạc Văn K; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Anh Lương Văn Q; vắng mặt.
6. Anh Lương Văn T; vắng mặt.
7. Chị Lương Huyền T; vắng mặt.
8. Chị Lương Thị H; vắng mặt.
9. Chị Lâm Thị X; vắng mặt.
10. Chị Lục Thị L; vắng mặt.
11. Anh Lương Văn C; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

- Người kháng cáo: Bà Lăng Thị S, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích đất tranh chấp là 1.499,4m², trong đó 1.396,1m² thuộc một phần thửa 1239 và 103,3m² thuộc một phần thửa 1228, cùng tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã B, tỷ lệ 1/10.000 lập năm 2012. Tài sản trên đất có 08 cây hồi do nguyên đơn trồng và các cây gỗ tạp, cây bụi tự mọc. Thửa 1239 diện tích 10.432m² đã được cấp GCNQSDĐ ngày 06-9-2011 cho hộ nguyên đơn ông Mạc Văn H, bà Chu Thị Kim L. Thửa 1228 diện tích 15.905m² đã được cấp GCNQSDĐ ngày 06-9-2011 cho hộ bị đơn ông Lương Quang P, bà Lăng Thị S.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Mạc Văn H yêu cầu: Được quản lý sử dụng khoảng 2.000m² thuộc một phần thửa 1239 và được quyền sở hữu tài sản trên đất, yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 8.000.000 đồng do bị đơn chặt phá cây của nguyên đơn. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn rút đổi với diện tích 103,3m² thuộc một phần thửa 1228, rút yêu cầu đòi bị đơn bồi thường 8.000.000 đồng, chỉ yêu cầu được quản lý sử dụng 1.396,1m² thuộc một phần thửa 1239 và được sở hữu tài sản trên đất.

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do bố của nguyên đơn mua của ông Lương Văn T (đã chết năm 1996), khi mua có lập văn bản là Giấy văn khế bán

rừng vầu đề ngày 06-02-1985. Thời điểm bố nguyên đơn mua, trên đất chỉ có các cây vầu, cây gỗ tạp. Đến năm 1995, hai bố con nguyên đơn bắt đầu trồng hồi trên đất và trồng dặm hàng năm. Năm 1996, nguyên đơn lấy vợ, hai vợ chồng nguyên đơn tiếp tục quản lý, canh tác, trồng dặm hồi, hiện nay trên đất tranh chấp vẫn có khoảng 04 cây hồi do bố nguyên đơn trồng từ năm 1995 và 03 cây hồi nhỏ do vợ chồng nguyên đơn trồng dặm từ sau năm 1995. Năm 1998, bố nguyên đơn được cấp sổ xanh đối với diện tích đất tranh chấp hiện nay. Năm 2007, nguyên đơn được bố mẹ tặng cho diện tích đất tranh chấp, việc tặng cho đất không lập thành văn bản, sau khi được tặng cho đất, nguyên đơn đã trực tiếp đi kê khai và được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1239. Gia đình nguyên đơn quản lý sử dụng đất ổn định, đến năm 2015 xảy ra tranh chấp lần đầu với gia đình bị đơn, do các bị đơn chặt phá, cuốc đường hào lấn vào đất của nguyên đơn khoảng 2.000m². Khi đó đã khởi kiện tại Toà án nhưng sau đó lại rút đơn nên vụ án đã đình chỉ giải quyết. Đến năm 2023, gia đình bị đơn lại tiếp tục chặt phá cây nên nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu giải quyết để được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc sổ đỏ đã được cấp cho hộ nguyên đơn.

Bị đơn ông Lương Quang P và bà Lăng Thị S đều trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Lương Văn T là chú ruột của ông Lương Quang P. Do ông Lương Văn T không có con trai, họ ông Lương Quang P đã hợp từ năm 1985 thống nhất ông Lương Quang P là người chăm sóc ông Lương Văn T khi còn sống và lo hậu sự cho ông Lương Văn T khi chết, do đó ông Lương Quang P được hưởng thừa kế tài sản đất đai của ông Lương Văn T để lại. Tuy nhiên, việc ông Lương Văn T để lại đất đai cho ông Lương Quang P không lập thành văn bản, chỉ nói miệng và mọi người trong họ đều nhất trí. Khi ông Lương Văn T còn sống, ông Lương Quang P có được nghe ông T nói năm 1985 đã bán cây vầu ở L cho bố nguyên đơn và bà Triệu Thị P, chỉ bán cây vầu để rào vườn, chứ không bán đất. Đến tháng 02-1993, bố nguyên đơn mới hỏi ông Lương Văn T để mua thêm phần đất có rừng vầu, ông Lương Văn T có nói lại với bị đơn rằng trước đây bố nguyên đơn đã đưa 50kg sắn khô, 01 chai rượu, 30 chày gạo để đổi lấy cây vầu, nay muốn lấy thêm phần đất có rừng vầu, bị đơn nghe vậy cũng đồng ý với ông Lương Văn T. Đất của ông Lương Văn T ở địa danh L, có phần đất giáp núi đá là nương ngô, rồi đến phần đất rừng vầu, đến khe nước và phần đất tiếp vẫn là đất nhà ông Lương Văn T. Đất tranh chấp hiện nay ở vị trí đất nương ngô giáp núi đá. Phần diện tích có rừng vầu đã bán cho bố nguyên đơn cụ thể diện tích là bao nhiêu thì bị đơn không biết, vì không đo đếm. Phần đất có nương ngô giáp núi đá có diện tích là bao nhiêu bị đơn cũng không biết, chỉ biết có ranh giới giữa phần đất nương ngô và phần đất có rừng vầu là cây trám trắng và cây sau sau, nhưng đã bị bố nguyên đơn chặt. Phần đất nương ngô giáp núi đá không bán cho bố nguyên đơn, nhưng năm 1995 bố nguyên đơn lại trồng hồi lấn sang phần đất này, gia đình bị đơn có nhắc nhở nhưng bố nguyên đơn nói cứ trồng chắc gì đã sống. Phần đất nương ngô này năm nào bị đơn cũng trồng ngô, nhưng từ năm 1997 bố nguyên đơn thả rông trâu bò ăn ngô nên không trồng được ngô nữa. Năm 2010, bị đơn bị tai nạn phải nằm nhà mấy năm, do nhà neo người nên đất bỏ không, tuy nhiên năm nào cũng đi phát ranh giới một lần. Đến năm 2015, khi khoẻ lại thì bị đơn

thấy bố nguyên đơn tranh chấp đất nên bảo các con của bị đơn đi phát cây bụi, đào hào làm ranh giới, nên phát sinh tranh chấp từ năm 2015. Bị đơn cũng xác định các cây hồi hiện nay trên đất chấp do bên gia đình nguyên đơn trồng. Bị đơn không được nhổ, chặt phá cây gì trên đất tranh chấp. Do đó, bị đơn không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn ông Mạc Văn G, bà Lý Thị K, bà Chu Thị Kim L, anh Mạc Văn K đều trình bày: Nhất trí với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Mạc Văn G trình bày thêm, khi ông Mạc Văn G mua đất của ông Lương Văn T là mua cả đất, cả rừng vầu, nhưng không đo đạc nên không rõ diện tích. Việc mua bán có lập văn bản, bên gia đình ông Lương Văn T có ông T và 02 con gái là Lương Thị M, Lương Thị L cùng ký vào giấy mua bán, ông Mạc Văn T bí thư xã (đã chết) là người viết giấy mua bán. Việc mua bán đất giữa ông G và ông T vào năm 1985, đến năm 1996 ông T mới chết. Sau khi mua đất, do rừng vầu ra hoa nên bị lụt, ông G đã chặt bỏ rừng vầu để trồng hồi, trồng 200 cây hồi tự ươm, các năm sau đó cũng trồng dặm, có cây sống, có cây chết, cây hồi đã được thu hái từ lâu, hiện mỗi cây cho thu hoạch được 30kg đến 50kg hồi. Trên đất này chỉ trồng hồi, không trồng cây gì khác. Ông G đã được cấp sổ xanh đối với đất tranh chấp, sau này ông G đã chia cho nguyên đơn phần đất này, nguyên đơn cùng vợ đã tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này đến nay; còn 02 người con còn lại của ông G, bà K là Mạc Thị B, Mạc Trung H không có công sức đóng góp hay quản lý gì nên không có liên quan gì đến đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn quá trình giải quyết vụ án có đơn xin giải quyết vắng mặt, không đến tham gia tố tụng nên không có lời khai.

Người làm chứng ông Lương Quốc H (anh trai ruột của bị đơn) trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lương Văn T. Ông Lương Văn T không có con trai nên họ hàng và ông T đã họp bàn và quyết định bị đơn là người nuôi dưỡng, chăm sóc ông T và sẽ được hưởng hết các tài sản của ông T. Việc này 03 cô con gái ông T (khi đó vẫn ở xã B, chưa chuyển vào miền trong sinh sống) biết và đều đồng ý, bị đơn cũng đồng ý. Có lập giấy chuyển tài sản của ông T cho bị đơn, ông H là người viết giấy, mọi người có mặt cùng ký vào giấy, giấy chuyển nhượng này do bị đơn giữ. Trong nội dung giấy chuyển nhượng ghi rõ chuyển nhượng hết tất cả tài sản bao gồm cả ruộng, nương rừng, có cả rừng L. Ông Lương Văn T chỉ có 01 rừng ở L, ngoài ra không có rừng ở chỗ nào khác. Việc ghi giấy chuyển nhượng trong cùng một ngày. Trước đây khi ông T còn sống, bố nguyên đơn có đến mua cây vầu về làm hàng rào vườn. Ông T chỉ bán cây vầu, không phải bán đất. Bà Triệu Thị P cũng được vào hỏi xin ông T lấy cây vầu về làm hàng rào. Nhưng sau đó, ông T có bán phần đất có rừng vầu cho ông G, còn phần đất làm nương ngô ngay bên cạnh rừng vầu giáp núi đá thì không bán, cũng không cho mượn để sử dụng. Khi đấy giữa nương ngô và rừng vầu có cây sau sau ở bên dưới chân đồi và cây trám trắng ở trên đỉnh đồi làm ranh giới, nhưng hiện nay 02 cây này đã chết, nương ngô và rừng

vầu cũng đã chuyển sang trồng hồi hết nên hiện không phân định được ranh giới. Khi còn rừng vầu và nương ngô, không ai đo đếm nên không rõ diện tích. Ông H không biết gì về văn khế bán rừng vầu đề ngày 06-02-1985 và cho rằng không có chuyện ông T bán cả phần đất nương ngô giáp núi đá hiện nay đang tranh chấp cho nhà nguyên đơn.

Người làm chứng bà Triệu Thị P trình bày: Bà có họ hàng xa với bị đơn, không có quan hệ họ hàng với nguyên đơn. Bà không có đất gần khu tranh chấp, nhưng bà sống ở đây từ nhỏ và nhà bà cũng gần khu tranh chấp nên bà được biết nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lương Văn T. Khi ông T còn sống, bà được mua cây vầu của ông T ở khu đất này. Hiện nay, trên đất có các cây hồi là do gia đình ông G trồng, nhưng không biết trồng từ năm nào. Việc ông T bán đất cho ông G hay không thì bà không được biết.

UBND huyện V cho biết: Khu đất tranh chấp tại khu đồi Q (hay còn gọi là L), trùng một phần với lô đất số 260 bản đồ giao đất giao rừng năm 1998, trùng một phần vào khu đất chưa giao theo bản đồ giao đất giao rừng năm 1998. Kiểm tra sổ lâm bạ, lô đất số 260 diện tích 1,6ha đứng tên chủ hộ Mạc Văn G, địa danh L, thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ rừng năm 2000, tại sổ mục kê xã B thửa số 260, diện tích 16.000m² đứng tên chủ sử dụng đất Mạc Văn G. Theo sổ địa chính và sổ cấp GCNQSDĐ thì chủ sử dụng đất Mạc Văn G được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 260, địa danh L, diện tích 16.000m². Thửa đất số 1239, diện tích 10.432m² được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Mạc Văn H và bà Chu Thị Kim L. Thửa đất số 1228, diện tích 1.5905m² được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lương Văn P và bà Lăng Thị S. Việc UBND huyện V cấp GCNQSDĐ đảm bảo theo quy định của Luật đất đai.

UBND xã B cho biết: Theo kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ có một phần diện tích đất tranh chấp 423,2m² thuộc phần diện tích đất chưa giao. Qua xác minh hồ sơ địa chính, cho thấy diện tích đất này đã được quy chủ và cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lương Quang P, bà Lăng Thị S, nên đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hộ ông Mạc Văn H, bà Chu Thị Kim L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 1396,1m², thuộc một phần thửa đất số 1239, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01, xã B, tỷ lệ 1/10.000, thể hiện trên mảnh trích đo địa chính lập ngày 12/6/20224 ký hiệu là S1, gồm các điểm A,B,E,F,G và khép về A và được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản có trên phần đất tranh chấp này gồm 08 cây hồi và các cây gỗ tạp, cây bụi tự mọc. Đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Mạc Văn H đối với phần diện tích diện tích 103,3m², thuộc một phần thửa đất số 1228 thể hiện trên mảnh trích đo địa chính lập ngày 12-6-20224 ký hiệu S2 gồm các điểm

B,C,D,E cùng toàn bộ tài sản trên phần đất này. Đất và tài sản gắn liền với diện tích đất này có địa chỉ tại Thôn K, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Mạc Văn H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là các cây hồi, cây gỗ tạp, với số tiền 8.000.000 đồng do đã rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm trả và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Lăng Thị S kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho các bị đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 1.396,1m² thuộc một phần thửa đất số 1239, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01, xã B, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn và các bị đơn không phải chịu chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Lăng Thị S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị đơn ông Lương Quang P (Lương Văn P) nhất trí với kháng cáo của bà Lăng Thị S.

Bà Nông Thị T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lương Quang P trình bày: Về nguồn gốc đất, không có đủ căn cứ để xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của phía nguyên đơn đã mua theo văn khế bán rừng vào đề ngày 06-02-1985. Về quá trình quản lý sử dụng, trên đất tranh chấp chỉ có 08 cây hồi do nguyên đơn trồng với đường kính gốc từ dưới 02cm đến 10cm, thể hiện thời gian nguyên đơn trồng cây hồi trên đất tranh chấp chưa lâu, phần đất nguyên đơn trồng cây hồi tiếp giáp đất tranh chấp lại có số lượng cây hồi lớn hơn, nhiều hơn, thể hiện các cây hồi nguyên đơn trên đất tranh chấp với các cây hồi nguyên đơn trồng trên phần đất tiếp giáp của không có tranh chấp là không tương đồng. Gia đình bị đơn do neo người nên không trồng cây lâu năm trên đất, tuy nhiên có thời gian trồng cây hằng năm, vẫn quản lý, phát quang, đào hào. Về giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, theo Kết luận giám định tư pháp thể hiện đất tranh chấp nằm trong lô 260 Bản đồ giao đất năm 1998 đã cấp cho ông Mạc Văn Gioroong không trùng khớp hoàn toàn với đất tranh chấp thửa 1239, do đó đề nghị xem xét GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn đối với thửa 1239 là sai diện tích sử dụng. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng và xem xét GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn đối với thửa 1239.

Nguyên đơn ông Mạc Văn H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S.

Bà Chu Bích T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có đầy đủ giấy tờ pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất và chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất, tài sản trên đất tranh chấp. Việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1239 đã được UBND huyện khẳng định cấp đúng đối tượng, đúng quy định. Bị đơn không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, không có quá trình quản lý sử dụng đất, phần đất vị trí nương ngô,

rừng vầu đã chuyển sang trồng hồi, nay không xác định được ranh giới theo bị đơn trình bày, hiện nay trên đất tranh chấp cũng không còn cây sau sau, cây trám, nên ngoài lời trình bày, không có tài liệu chứng minh về quá trình quản lý sử dụng đất của phía bị đơn. Bị đơn trình bày có ngăn cản nguyên đơn trồng cây trên đất tranh chấp nhưng không có tài liệu chứng minh. Do đó, đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S vì không có căn cứ, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Về nguồn gốc đất và quá trình quản lý sử dụng, thấy rằng phía nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng đất tranh chấp từ 1985 đến nay (hiện vẫn quản lý, thu hái hồi), còn bị đơn không có quá trình quản lý, sử dụng. Về giấy tờ pháp lý chứng minh quyền quản lý sử dụng, phía nguyên đơn được Nhà nước cấp sổ bìa xanh lô 260, 373, 276, 304, sau đó ngày 06-9-2011 được cấp GCNQSDĐ thửa số 1239, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01, xã B; phía bị đơn được nhà nước cấp sổ bìa xanh lô 271, 272, 259, 274, sau đó ngày 06-9-2011 được cấp GCNQSDĐ thửa số 1228, tờ bản đồ địa chính lâm nghiệp số 01, xã B. Theo kết luận giám định, diện tích đất tranh chấp không trùng các lô số 271, 272, 259, 274 (sổ bìa xanh) của ông Lương Quang P; đất tranh chấp có một phần diện tích 103,3m² trùng với thửa đất số 1228 của ông Phúc, bà Sử, nhưng phần trùng này nguyên đơn đã rút yêu cầu, không còn có tranh chấp; diện tích đất tranh chấp trùng với thửa đất số 260 (sổ bìa xanh) của ông Mạc Văn G; đất tranh chấp hiện là 1396,1m² trùng với thửa đất số 1239 của ông Huân, bà Luyến. Như vậy, nguyên đơn có giấy tờ pháp lý chứng minh quyền quản lý và sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp. Về tài sản trên đất, trên đất tranh chấp có 08 cây hồi và cây bụi cây tạp tự mọc, cây hồi do phía nguyên đơn trồng từ năm 1995 và trồng dặm hàng năm, hiện vẫn do gia đình nguyên đơn quản lý, thu hái; phía bị đơn không có canh tác, không có cây trên đất, cũng thừa nhận hồi là của nguyên đơn trồng. Vì vậy, có căn cứ chứng minh tài sản trên đất là của nguyên đơn đã có và quản lý trước khi xảy ra tranh chấp. Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc các bị đơn chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng quy định, do đó không có căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo. Bà Lăng Thị S phải chịu án phí nhưng thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S, giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, có đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S kháng cáo yêu cầu các bị đơn được quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp và không phải chịu chi phí tố tụng, thấy rằng:

[3] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Lương Văn T. Phía nguyên đơn trình bày đất tranh chấp do bố của nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn T và cung cấp Giấy văn khế bán rừng vào đề ngày 06-02-1985, văn bản này có chữ ký của người bán là ông Lương Văn T, người mua là bố nguyên đơn ông Mạc Văn G và con gái Lương Thị L, con rể Nông Văn K, nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Phía bị đơn trình bày đất tranh chấp là của bị đơn được hưởng thừa kế của chú là ông Lương Văn T, do ông Lương Văn T không có con trai, bị đơn ông Lương Quang P là người chăm sóc ông Lương Văn T khi còn sống và lo hậu sự cho ông Lương Văn T khi chết nên được hưởng phần đất đai của ông Lương Văn T để lại. Ông Lương Văn T đã chết năm 1996, bị đơn không cung cấp được văn bản, giấy tờ về việc ông Lương Văn T để lại đất đai cho bị đơn trước khi chết. Theo lời khai của người làm chứng ông Lương Quốc H là anh trai của bị đơn ông Lương Quang P lại khai rằng khi ông Lương Văn T và họ hàng giao tài sản cho bị đơn thì chính ông Lương Quốc H là người lập biên bản và biên bản này do bị đơn ông Lương Quang P lưu giữ. Lời khai anh em trong gia đình bị đơn không đồng nhất, tại cấp phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới thể hiện về nguồn gốc đất theo bị đơn trình bày.

[4] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất: Tài sản trên đất tranh chấp hiện nay có 08 cây hồi và các cây gỗ tạp, cây bụi. Nguyên đơn, bị đơn đều xác định các cây hồi trên đất do phía nguyên đơn trồng từ năm 1995, còn các cây gỗ tạp, cây bụi là cây tự mọc. Trên đất tranh chấp không có cây trồng nào của phía bị đơn, bị đơn cũng khai trước năm 1997 bị đơn có trồng ngô trên đất tranh chấp, nhưng từ sau năm 1997 thì bị đơn không còn trồng; từ năm 2010 bị đơn bỏ không đất tranh chấp, không canh tác quản lý. Thấy rằng, nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng và trồng cây hồi trên đất từ năm 1995, bị đơn có biết việc nguyên đơn trồng cây trên đất từ năm 1995 nhưng trước năm 2015 không phát sinh tranh chấp. Mặt khác, ông Lương Văn T là chủ đất cũ, trước khi ông T chết vào năm 1996 cũng không phát sinh tranh chấp với gia đình nguyên đơn.

[5] Xét về giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất: Phía nguyên đơn đã được cấp sổ xanh mang tên bố nguyên đơn đối với lô 260 từ năm 1998, đến năm 2011 đã được cấp sổ đỏ mang tên vợ chồng nguyên đơn đối với thửa 1239. Tại kết luận giám định khẳng định: Theo bản đồ giao đất giao rừng xã B tỷ lệ

1/10.000, diện tích đất tranh chấp trùng với 1.076,3m² thuộc lô 260 và 423,2m² đất chưa giao, UBND xã xác định diện tích 423,2m² đất này đã được quy chủ và cấp GCNQSDĐ cho hộ bị đơn. Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã B, tỷ lệ 1/10.000, diện tích đất tranh chấp trùng với 1.396,1m² thuộc một phần thửa 1239 và 103,3m² thuộc một phần thửa 1228. Đối với phần diện tích 103,3m² thuộc thửa 1228 đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bị đơn thì nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn cũng xuất trình sổ xanh bị đơn được cấp đối với các lô số 271, 272, 259, 274, nhưng theo kết luận giám định, các lô đất này không trùng với khu đất tranh chấp. Phía bị đơn cho rằng thửa 1228 hiện nay bị đơn đang quản lý sử dụng và phần đất tranh chấp đều là của ông Lương Văn T để lại, nhưng ngoài lời trình bày, bị đơn cũng không cung cấp được căn cứ chứng minh. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, các bị đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với phần diện tích nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S về yêu cầu các bị đơn được quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp và không phải chịu chi phí tố tụng.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S không được chấp nhận nên bị đơn bà Lăng Thị S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà Lăng Thị S thuộc trường hợp được miễn án phí (người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn), đã có đơn xin miễn án phí nên bà Lăng Thị S được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lăng Thị S; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lăng Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H.Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H.Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H.V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Đức Chính